

**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày /6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Kinh phí điều chỉnh giảm		
					Tổng số	Nguồn kinh phí tự chủ Tính chất 13	Nguồn kinh phí không tự chủ Tính chất 12
<b>I</b>	<b>Loại khoản 070 - 074</b>						
1	Trường THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	KBNN KV XIII	310.000.000	290.000.000	20.000.000
2	Trường THPT Trần Phú	1006666	0161	KBNN KV XIII	184.000.000	174.000.000	10.000.000
3	Trường THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	KBNN KV XIII	167.000.000	157.000.000	10.000.000
4	Trường THPT Hòa Vang	1006802	0168	1	120.000.000	110.000.000	10.000.000
5	Trường THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	3	216.000.000	206.000.000	10.000.000
6	Trường THPT Thái Phiên	1006569	0166	2	217.000.000	207.000.000	10.000.000
7	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0168	1	138.000.000	128.000.000	10.000.000
8	Trường THPT Ngô Quyền	1070725	0168	1	134.000.000	124.000.000	10.000.000
9	Trường THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0168	1	104.000.000	94.000.000	10.000.000
10	Trường THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	2	83.000.000	73.000.000	10.000.000
11	Trường THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	2	90.000.000	80.000.000	10.000.000
12	Trường THPT Phan Thành Tài	1069371	0168	1	121.000.000	111.000.000	10.000.000
13	Trường THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0168	1	118.000.000	108.000.000	10.000.000
14	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	2	114.000.000	104.000.000	10.000.000
15	Trường THPT Thanh Khê	1026270	0166	2	117.000.000	107.000.000	10.000.000
16	Trường THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	1	114.000.000	104.000.000	10.000.000
17	Trường THPT Liên Chiểu	1121951	0166	2	114.000.000	104.000.000	10.000.000
18	Trường THPT Võ Chí Công	1123991	0168	1	84.000.000	74.000.000	10.000.000
19	Trường THPT Sơn Trà	1127102	0168	1	115.000.000	105.000.000	10.000.000
20	Trường THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	1	119.000.000	109.000.000	10.000.000
21	Trường THCS&THPT Nguyễn Khuyến	1063083	0161	KBNN KV XIII	233.000.000	223.000.000	10.000.000
22	Trường THPT Duy Tân	1104319	0171	4	153.000.000	103.000.000	50.000.000
23	Trường THPT Lê Quý Đôn	1045044	0171	4	170.000.000	122.000.000	48.000.000
24	Trường THPT Phan Bội Châu	1045035	0171	4	154.000.000	106.000.000	48.000.000
25	Trường THPT Trần Cao Vân	1010034	0171	4	152.000.000	104.000.000	48.000.000
26	Trường THPT Nguyễn Trãi - Hội An	1060002	0179	12	117.000.000	69.000.000	48.000.000
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1096986	0179	12	130.000.000	83.000.000	47.000.000
28	Trường THPT Trần Quý Cáp	1010043	0179	12	116.000.000	69.000.000	47.000.000
29	Trường THPT Hoàng Diệu	1010041	0179	12	78.000.000	30.000.000	48.000.000
30	Trường THPT Lương Thế Vinh	1045041	0179	12	128.000.000	80.000.000	48.000.000

31	Trường THPT Nguyễn Duy Hiệu	1010036	0179	12	108.000.000	59.000.000	49.000.000
32	Trường THPT Nguyễn Khuyến	1063742	0179	12	58.000.000	10.000.000	48.000.000
33	Trường THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	1010042	0179	12	69.000.000	21.000.000	48.000.000
34	Trường THPT Hồ Nghinh	1125778	0179	12	62.000.000	13.000.000	49.000.000
35	Trường THPT Lê Hồng Phong	1010037	0179	12	108.000.000	59.000.000	49.000.000
36	Trường THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	1063743	0179	12	124.000.000	76.000.000	48.000.000
37	Trường THPT Sào Nam	1010044	0179	12	121.000.000	78.000.000	43.000.000
38	Trường THPT Chu Văn An	1010121	0176	9	145.000.000	96.000.000	49.000.000
39	Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển	1010120	0176	9	76.000.000	27.000.000	49.000.000
40	Trường THPT Huỳnh Ngọc Huệ	1010163	0176	9	114.000.000	66.000.000	48.000.000
41	Trường THPT Lương Thúc Kỳ	1063747	0176	9	93.000.000	44.000.000	49.000.000
42	Trường THPT Hùng Vương	1110198	0171	4	114.000.000	64.000.000	50.000.000
43	Trường THPT Lý Tự Trọng	1045043	0178	11	33.000.000	23.000.000	10.000.000
44	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	1045170	0178	11	139.000.000	90.000.000	49.000.000
45	Trường THPT Thái Phiên - Thăng Bình	1064441	0178	11	113.000.000	64.000.000	49.000.000
46	Trường THPT Tiêu La	1009977	0178	11	143.000.000	94.000.000	49.000.000
47	Trường THPT Quế Sơn	1009978	0178	11	109.000.000	60.000.000	49.000.000
48	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	1010039	0178	11	144.000.000	95.000.000	49.000.000
49	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	1063740	0178	11	96.000.000	46.000.000	50.000.000
50	Trường THPT Nguyễn Dục	1027236	0172	5	115.000.000	66.000.000	49.000.000
51	Trường THPT Trần Văn Dư	1045037	0171	4	99.000.000	50.000.000	49.000.000
52	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	1131281	0172	5	111.000.000	63.000.000	48.000.000
53	Trường THPT Núi Thành	1010035	0173	6	157.000.000	108.000.000	49.000.000
54	Trường THPT Cao Bá Quát	1045040	0173	6	127.000.000	78.000.000	49.000.000
55	Trường THPT Nguyễn Huệ	1063739	0173	6	146.000.000	96.000.000	50.000.000
56	Trường THPT Nông Sơn	1010040	0178	11	92.000.000	42.000.000	50.000.000
57	Trường THPT Hiệp Đức	1010033	0178	11	45.000.000	35.000.000	10.000.000
58	Trường THPT Trần Phú - Việt An	1098456	0178	11	69.000.000	20.000.000	49.000.000
59	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	1045172	0177	10	159.000.000	110.000.000	49.000.000
60	Trường THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	1011556	0177	10	112.000.000	62.000.000	50.000.000
61	Trường THPT Âu Cơ	1098671	0175	8	81.000.000	32.000.000	49.000.000
62	Trường THPT Quang Trung - Đông Giang	1045038	0175	8	84.000.000	35.000.000	49.000.000
63	Trường THPT Tây Giang	1090329	0174	7	141.000.000	93.000.000	48.000.000
64	Trường THPT Võ Chí Công - Hùng Sơn	1127079	0174	7	71.000.000	23.000.000	48.000.000
65	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1110098	0176	9	184.000.000	135.000.000	49.000.000
66	Trường THPT Tô Hữu	1045039	0176	9	53.000.000	5.000.000	48.000.000
67	Trường THPT Khâm Đức	1045131	0176	9	107.000.000	58.000.000	49.000.000

68	Trường THPT Bắc Trà My	1090324	0177	10	142.000.000	93.000.000	49.000.000
69	Trường THPT Nam Trà My	1072522	0177	10	163.000.000	115.000.000	48.000.000
70	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0168	1	303.000.000	293.000.000	10.000.000
71	Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	1092748	0171	4	426.000.000	376.000.000	50.000.000
72	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông	1114918	0179	12	396.000.000	347.000.000	49.000.000
73	Trường PTDTNT THPT Quảng Nam	1060732	0179	12	238.000.000	187.000.000	51.000.000
74	Trường PTDTNT THPT và THCS Phước Sơn	1099757	0176	9	237.000.000	187.000.000	50.000.000
75	Trường PTDTNT THPT và THCS Nước Oa	1099720	0177	10	219.000.000	170.000.000	49.000.000
76	Trường PTDTNT THPT và THCS Nam Trà My	1099722	0177	10	225.000.000	175.000.000	50.000.000
	<b>Loại khoản 070 - 072</b>				-		
1	Trường Chuyên biệt Tương Lai	1012109	0161	KBNN KV XIII	148.000.000	128.000.000	20.000.000
2	Trung tâm Hỗ trợ PTGD hòa nhập	1076378	0166	2	123.000.000	113.000.000	10.000.000
	<b>Loại khoản 070 - 075</b>				-		
1	Trung tâm GDTX Số 1	1070733	0168	1	17.000.000	7.000.000	10.000.000
2	Trung tâm GDTX Số 2	1076373	0166	2	28.000.000	8.000.000	20.000.000
3	Trung tâm GDTX Số 3	1033043	0168	1	25.000.000	5.000.000	20.000.000
4	Trung tâm GDTX Số 4	1059735	0171	4	10.000.000		10.000.000
5	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012275	0161	KBNN KV XIII	1.341.000.000		1.341.000.000
	<b>Loại khoản 340-341</b>				-		
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012275	0161	KBNN KV XIII	388.000.000	202.000.000	186.000.000
	<b>Loại khoản 070 - 098</b>				-		
1	Văn phòng Sở GDĐT Đà Nẵng	1012275	0161	KBNN KV XIII	7.426.000.000		7.426.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>19.987.000.000</b>	<b>8.160.000.000</b>	<b>11.827.000.000</b>